TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST Ngày 20-7-2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Thước

Ông Phạm Văn Tỵ

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà:*** Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đinh Ngọc L; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H; nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã H1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn là anh Đinh Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 7 năm 2012. Sau khi kết hôn, anh và chị H về chung sống cùng gia đình anh tại thôn B, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có

sự tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có hai con chung là Đinh Bảo A1, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2013 và Đinh Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2015. Anh đề nghị Tòa án giao con chung Đinh Bảo A1 cho anh nuôi dưỡng; giao con chung Đinh Ngọc Bảo Tr cho chị H nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của chị và anh Đinh Ngọc L theo như anh L đã khai là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh L mải chơi cờ bạc, trai gái không quan tâm đến cuộc sống gia đình, nên thường xảy ra đánh cãi chửi nhau. Từ tháng 02 năm 2018 đến nay, chị và anh L sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay tuy vợ chồng tình cảm không còn, nhưng vì các con chung còn nhỏ nên anh L xin ly hôn, chị không đồng ý. Chị đề nghị Tòa án hòa giải để chị và anh L về đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh Đinh Ngọc L có hai con chung theo như lời khai anh L đã khai là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị và anh L ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung Đinh Bảo A1 cho anh L nuôi dưỡng; giao con chung Đinh Ngọc Bảo Tr cho chị nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Ngọc L; giao con chung Đinh Bảo A1 cho anh L nuôi dưỡng; giao con chung Đinh Ngọc Bảo Tr cho chị H nuôi dưỡng; không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn anh Đinh Ngọc L và bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đinh Ngọc L và chị Nguyễn Thị H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định: Anh Đinh Ngọc L và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 7 năm 2012. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh L xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Chị H không đồng ý ly hôn nhưng chị H cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần báo chị H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải song chị H đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc chị H không đồng ý ly hôn chỉ là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Anh Đinh Ngọc L và chị Nguyễn Thị H có hai con chung là Đinh Bảo A1, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2013 và Đinh Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2015. Anh L và chị H đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Đinh Bảo A1 cho anh L nuôi dưỡng; giao con chung Đinh Ngọc Bảo Tr cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy, quan điểm của anh L và chị H là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Đinh Ngọc L và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét, giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[5] *Về tài sản chung*: Anh Đinh Ngọc L và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Anh Đinh Ngọc L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Ngọc L được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Đinh Bảo A1, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2013 anh Đinh Ngọc L nuôi dưỡng; giao con chung Đinh Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày 21 tháng 7 năm 2018 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đinh Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Anh L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn theo Biên lai thu tiền số 15155 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, nên anh L không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã Đ, huyện A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế